

THỰC TRẠNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ HAI SAU KHI THAM GIA LỚP PHƯƠNG PHÁP HỌC TÍCH CỰC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Lê Xuân Hưng^{1*} và Bùi Thị Thanh Huyền²

¹ Phòng Quản lý Khoa học, Bộ môn Y Vật lý, Trường Đại học Y Dược Thái Bình

² Phòng Quản lý Đào tạo đại học, Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Tóm tắt. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp điều tra giáo dục trên 675 sinh viên hệ chính quy dài hạn năm thứ 2 sau khi tham gia lớp phương pháp học tích cực của trường Đại học Y Dược Thái Bình, kết quả cho thấy: - Tỷ lệ sinh viên nữ dành nhiều thời gian tự học mỗi ngày cao hơn sinh viên nam./ - Tỷ lệ sinh viên đạt khá, giỏi của kì sau cao hơn kì trước./ - Sinh viên thường xuyên áp dụng các hình thức tự học, như: ghi chép bài; liên hệ thực tiễn; lập kế hoạch trước mỗi kì học, năm học; sử dụng sơ đồ tư duy./ - Có 03 yếu tố ảnh hưởng nhiều đến quá trình tự học của sinh viên là: Ý thức học tập và động cơ nhận thức của bản thân; Phương pháp học tập và nội dung chương trình đào tạo./ - Mức độ kỹ năng mềm mà sinh viên đạt được chủ yếu tập trung ở mức độ trung bình và khá.

Từ khóa: Tự học, sinh viên, hệ thống tín chỉ, học tích cực, Thái Bình.

1. Mở đầu

Hiện nay, các trường đại học, cao đẳng trong cả nước đã chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, bản chất của phương pháp đào tạo này là phát huy tính tích cực chủ động của sinh viên trong đó tự học là yếu tố quyết định đến kết quả học tập của người học [2], [3]. Khả năng tự học được đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng nhất giúp cho người học không chỉ có thành tích học tập tốt mà còn có những kiến thức sâu rộng. Để có thể nắm bắt toàn diện những kiến thức ở bậc đại học đòi hỏi mỗi sinh viên phải có nhiều nỗ lực trong hoạt động học tập, đặc biệt phải dành thời gian cho việc tự học, tự nghiên cứu. Vấn đề tự học đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức môn học cũng như phát huy năng lực của bản thân trên cơ sở chính là sự hướng dẫn của giảng viên [1]. Thực tế, hoạt động tự học của sinh viên thường bị ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố như động lực học tập, tài liệu học tập, nội dung các môn học ... [7]. Các trường khối ngành y đã gặp không ít khó khăn khi đào tạo theo hệ thống tín chỉ, bởi vì ngoài thời gian học lý thuyết trên giảng đường thì sinh viên phải dành rất nhiều thời gian tham gia thực và học lâm sàng. Việc nghiên cứu thực trạng hoạt động tự học của sinh viên khối ngành sức khỏe và tìm các giải pháp nhằm đẩy mạnh hiệu quả của hoạt động tự học của sinh viên góp phần nâng cao kết quả học tập và chất lượng đào tạo là có tính cấp thiết.

Hàng năm, Trường Đại học Y Dược Thái Bình tổ chức 15-20 lớp học tích cực nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp học, các kỹ năng mềm cần thiết để giúp sinh viên năm thứ nhất chủ động lựa chọn phương pháp học phù hợp với bản thân. Do đó chúng tôi thực

Ngày nhận bài: 12/7/2019. Ngày sửa bài: 3/8/2019. Ngày nhận đăng: 5/9/2019.

Tác giả liên hệ: Lê Xuân Hưng. Địa chỉ e-mail: hunglx@tbump.edu.vn.

hiện đề tài: Tìm hiểu thực trạng tự học của sinh viên chính quy dài hạn năm thứ hai sau khi tham gia lớp học tích cực của trường Đại học Y Dược Thái Bình.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên hệ chính quy dài hạn năm thứ 2 của trường Đại học Y Dược Thái Bình thuộc cả 06 mã ngành đào tạo (Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Điều dưỡng, Y khoa, Dược sỹ, Y tế công cộng) đã tham gia lớp học tích cực do Nhà trường tổ chức.
- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 02/2018 – 5/2018.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

- Thiết kế nghiên cứu: Đề tài được thực hiện theo thiết kế nghiên cứu mô tả và phương pháp điều tra giáo dục. Sử dụng thang đo định hạng trong phiếu điều tra đối với các câu hỏi tự đánh giá của sinh viên về mức độ, tần suất của việc tự học.
- Cỡ mẫu: Chọn tất cả các sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học tích cực do Nhà trường tổ chức. Thực tế có $n = 675$ đối tượng đủ điều kiện lựa chọn tham gia nghiên cứu.
- Phương pháp thu thập thông tin: Mỗi đối tượng điều tra được phát 01 bộ phiếu hỏi tự điền. Cán bộ điều tra khi phát phiếu sẽ đồng thời giải thích về mục đích của nghiên cứu và hướng dẫn đối tượng điều tra cách điền phiếu. Các đối tượng điều tra đầy đủ thông tin vào bộ phiếu điều tra. Các phiếu trả lời sẽ được cán bộ điều tra thu thập lại.

2.3. Phương pháp xử lý số liệu: số liệu được xử lý bằng phần mềm Stata 12.0.

2.4. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu

- Sự tham gia của tất cả các đối tượng vào nghiên cứu hoàn toàn mang tính tự nguyện và mọi thông tin về đối tượng nghiên cứu được giữ bí mật.
- Các dữ liệu, thông tin thu thập trong các báo cáo được cam kết dùng cho mục đích nghiên cứu mà không phục vụ cho bất kỳ một mục đích nào khác.

2.5. Kết quả nghiên cứu

Nhận xét: Kết quả Bảng 1 cho thấy hầu hết sinh viên của các ngành học đều cho rằng việc tự học đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình học tập của sinh viên, ý kiến này chiếm 71,4% trong tổng số 675 sinh viên được hỏi. Không có sự khác biệt giữa giới nam và nữ ($p > 0,05$).

Bảng 1. Tầm quan trọng của việc tự học ($n = 675$)

Giới tính	Mức độ								Tổng	
	Rất quan trọng		Quan trọng		Bình thường		Không quan trọng			
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nam	115	17,0	41	6,1	4	0,6	0	0,0	160	23,7
Nữ	367	54,4	129	19,1	18	2,7	1	0,1	515	76,3
Tổng	428	71,4	170	25,2	22	3,3	1	0,1	675	100
p	0,062									

Nhận xét: Kết quả Bảng 2 cho thấy có 34,1% số lượng sinh viên dành hơn 3 giờ cho việc tự học chiếm; Có 26,7% sinh viên nữ dành hơn 3 giờ mỗi ngày cho việc tự học và sinh viên nam là 7,4%. Không có sự khác biệt giữa giới tính và thời gian sinh viên dành cho việc tự học ($p > 0,05$).

Theo tác giả Nguyễn Hải Đăng nghiên cứu về vấn đề tự học của sinh viên đại học Tiền Giang thì chỉ có 18,3% sinh viên dành 4-6 giờ mỗi ngày cho việc tự học [4]. Có sự khác biệt lớn giữa nghiên cứu của chúng tôi và Nguyễn Hải Đăng có thể là do đặc thù sinh viên ngành Y Dược những năm gần đây có điểm đỗ vào trường thường rất cao nên sinh viên có ý thức học hơn, đồng thời lượng kiến thức nhiều nên sinh viên cũng chịu áp ngay từ ban đầu.

Bảng 2. Thời gian tự học trong 1 ngày (n = 675)

Giới tính	Thời gian tự học trong 01 ngày							
	1 giờ		2 giờ		3 giờ		Trên 3 giờ	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nam	36	5,3	42	6,2	32	4,7	50	7,4
Nữ	93	13,8	129	19,1	113	16,8	180	26,7
Tổng	129	19,1	171	25,3	145	21,5	230	34,1
p	0,565							

Nhận xét: Kết quả Bảng 3 cho thấy có tới 62,2% số sinh viên được hỏi trình bày mới thực hiện kế hoạch học tập đã đề ra và mức độ thường xuyên là 24,4%; và không có ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ ($p > 0,05$). Có thể lý giải rằng, bởi sinh viên năm thứ 2 đang được học các môn cơ sở và chưa hoàn toàn bắt nhịp với cách học ở bậc đại học nên quá trình thực hiện kế hoạch học tập chiếm đa số ở mức độ thỉnh thoảng. Hơn nữa, nhiều giảng viên vẫn còn giảng theo phương pháp truyền thống nên không ít sinh viên học thụ động.

Bảng 3. Việc thực hiện kế hoạch học tập đã đề ra (n = 675)

Giới tính	Tần suất thực hiện					
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nam	49	7,3	94	13,9	17	2,5
Nữ	116	17,2	326	48,3	73	10,8
Tổng	165	24,4	420	62,2	90	13,3
p	0,089					

Nghiên cứu của Nguyễn Quang Đông tại Đại học Y Dược Thái Nguyên cho thấy: có 61% sinh viên đã có mục tiêu cụ thể cho việc học tập học phần Vật Lý sinh – Lý sinh sinh y học, 39% chưa có mục tiêu cụ thể. Đồng thời qua việc phỏng vấn sinh viên cho thấy sinh viên chưa biết xây dựng một kế hoạch học tập cho cả một học kỳ và chỉ tập trung học khi có kiểm tra, thi. Chưa có sự phân phối thời gian học Lý sinh và một lịch tự học trong cả học kỳ [5].

Bảng 4. Mức độ mất tập trung khi học (n = 675)

Giới tính	Tần suất thực hiện					
	Có		Không		Chỉ tập trung học khi chuẩn bị thi	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nam	124	18,4	18	2,7	18	2,7
Nữ	410	60,7	57	8,4	48	7,1

Tổng	534	79,1	75	11,1	66	9,8
p	0,364					

Nhận xét: Việc tự học đòi hỏi tính tập trung rất cao, nhưng khi được hỏi về vấn đề này thì có tới 79,1% số sinh viên trả lời là mất tập trung khi học và 9,8% chỉ tập trung học khi chuẩn bị thi. Chứng tỏ sinh viên vẫn chưa thực sự xác định việc học đại học là quá trình tích lũy theo thời gian mà việc học vẫn học chỉ để cho qua môn. Chỉ có 11,1% số sinh viên không bị mất tập trung khi học. Có thể số sinh viên này nằm trong nhóm sinh viên thường xuyên thực hiện kế hoạch đề ra.

Bảng 5. Học lực của sinh viên năm học 2016 – 2017 và học kì 1 năm học 2017 – 2018

Học lực Giới tính	Trung bình		Khá		Giỏi	
	<i>Số lượng</i>	<i>Tỉ lệ (%)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỉ lệ (%)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỉ lệ (%)</i>
<i>Học lực của sinh viên năm học 2016 - 2017</i>						
Nam	81	12,0	74	11,0	5	0,7
Nữ	258	38,2	231	34,2	26	3,9
Tổng	339	50,2	305	45,2	31	4,6
<i>Học lực của sinh viên học kì 1 năm học 2017 - 2018</i>						
Nam	71	10,5	80	11,9	9	1,3
Nữ	157	23,3	306	45,3	52	7,7
Tổng	228	33,8	386	57,2	61	9,0

Nhận xét: Kết quả học tập năm học 2016 - 2017 của đối tượng được khảo sát, sinh viên có học lực trung bình chiếm tỉ lệ cao nhất là 50,2%. Sinh viên học lực giỏi chỉ có 4,6%. Trong khi đó, đến học kì 1 năm học 2017- 2018 sinh viên có học lực trung bình chỉ còn chiếm tỉ lệ 33,8%. Sinh viên học lực khá tăng so với năm học trước, đạt cao nhất chiếm 57,2%; và có 9,0% sinh viên có học lực giỏi. Có nhiều nguyên nhân giải thích cho điều này, nhưng có lẽ do sinh viên năm thứ 2 đã đang dần tìm ra được cách học phù hợp cho bản thân. Đồng thời sinh viên cũng đã tham các lớp học tích cực nên được trang bị thêm kiến thức về phương pháp học, cách ghi chép bài, cách đọc sách, cách tìm kiếm thông tin từ web...từ đó có thể có cách tiếp cận kiến thức hiệu quả hơn. Theo giới tính của đối tượng thì: Sinh viên nam đạt học lực khá và giỏi chiếm 55,5% và sinh viên nữ chiếm 69,5%; tỉ lệ này tính trên toàn bộ nghiên cứu là 66,2%.

Bảng 6. Mức độ áp dụng các hình thức tự học (n = 675)

Mức độ Hình thức	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa bao giờ	
	<i>Số lượng</i>	<i>Tỉ lệ (%)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỉ lệ (%)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỉ lệ (%)</i>
Học nhóm	144	21,3	478	70,8	53	7,9
Trao đổi bài với giảng viên và bạn bè	30	4,4	325	48,2	320	47,4
Ghi chép bài cẩn thận, đầy đủ	325	48,1	314	46,5	36	5,3

Sử dụng sơ đồ tư duy	138	20,4	432	64,0	105	15,6
Thường xuyên liên hệ thực tiễn	188	27,9	442	65,3	45	6,7
Lập kế hoạch học tập trước mỗi kì học, năm học	187	27,7	356	52,7	132	19,6

Nhận xét: Kết quả Bảng 6 cho thấy, sinh viên thường xuyên áp dụng các hình thức tự học, như: ghi chép bài chiếm tỉ lệ cao nhất 48,1%; tiếp đến là liên hệ thực tiễn 27,9%; lập kế hoạch trước mỗi kì học, năm học là 27,7%; sử dụng sơ đồ tư duy chiếm 20,4%.

Học nhóm cũng không phải là hình thức học mới mà sinh viên đã áp dụng ngay từ bậc phổ thông nên vẫn áp dụng khi học đại học. Việc học nhóm thực hiện khá thuận lợi vì sinh viên có thể lập nhóm học chính từ nhóm thực tập của mình hoặc bạn cùng phòng trọ. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra có 23,3% sinh viên thường xuyên tham gia học nhóm. Kết quả này cũng tương tự kết quả nghiên cứu trên sinh viên Đại học Ngoại ngữ là trên 20% [6].

Sử dụng sơ đồ tư duy là hình thức được áp dụng nhiều trong việc học các môn học tự nhiên. Hình thức này có thể hình thành cho người học tư duy logic trong quá trình học và giúp cho người học nhớ nhanh và nhớ lâu hơn. Có 20,4% số sinh viên được hỏi thường xuyên áp dụng phương pháp này, trong khi sinh viên Đại học ngoại ngữ chỉ có 14% [6].

Bảng 7. Mức độ ảnh hưởng đến quá trình tự học của sinh viên (n = 675)

Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng (%)					
	Nhiều		Trung bình		Rất ít	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Ý thức học tập và động cơ nhận thức của bản thân	478	70,8	188	27,9	9	1,3
Năng lực trí tuệ và tư duy	244	36,1	398	59,0	33	4,9
Phương pháp học tập của sinh viên	383	56,7	255	37,8	37	5,5
Phương pháp dạy học của giảng viên	212	31,4	403	59,7	60	8,9
Nội dung, chương trình đào tạo	285	42,2	342	50,7	48	7,1

Nhận xét: Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, ý thức học tập và động cơ nhận thức của bản thân là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến quá trình tự học của bản thân, chiếm 70,8% số sinh viên được hỏi. Chứng tỏ sinh viên đã xác định được mục đích và động cơ học tập đúng đắn vì phải xác định được mục đích và động cơ học tập mới có thể phát huy được “nội lực” trong học tập, kết hợp các yếu tố ngoại cảnh thì việc học sẽ diễn ra một cách hợp lý và thu được kết quả cao. Có rất ít sinh viên không đồng ý với ý kiến này.

Phương pháp học tập là hoạt động của người học trong quá trình lĩnh hội tri thức nên việc tìm ra được phương pháp học tập riêng cho bản thân cũng góp phần không nhỏ đến kết quả học tập của sinh viên. Có 56,7 % số sinh viên được hỏi cũng cho rằng phương pháp học tập của sinh

viên ảnh hưởng nhiều đến kết quả của quá trình tự học. Điều này càng khẳng định thêm rằng sinh viên Y khoa xác định rất rõ ràng động cơ và mục đích học tập.

Một yếu tố nữa cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tự học của sinh viên chính là nội dung và chương trình đào tạo. Có 42,2 % sinh viên được hỏi cho rằng yếu tố này ảnh hưởng nhiều. Rõ ràng rằng việc cung cấp ngay từ ban đầu khung chương trình đào tạo cho sinh viên là việc làm cần thiết. Nó giúp cho sinh viên có kế hoạch cụ thể trong mỗi năm học, kì học để đạt mục tiêu phấn đấu.

Kết quả nghiên cứu của Phan Hữu Tín cũng cho thấy, trong 7 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến thái độ học tập của sinh viên thì có 3 yếu tố quan trọng nhất là: Động lực học tập, tài liệu học tập và nội dung các môn học [7]

Bảng 8. Mức độ đạt được các kỹ năng mềm (n = 675)

Kỹ năng	Mức độ							
	Yếu		Trung bình		Khá		Tốt	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Làm việc nhóm	104	15,4	302	44,7	235	34,8	34	5,0
Nghe giảng, ghi chép bài hợp lý	48	7,1	242	35,9	323	47,9	62	9,2
Đặt câu hỏi trong khi tự học	135	20,0	315	46,7	188	27,9	37	5,5
Ghi nhớ	60	8,9	288	42,7	265	39,3	62	9,2
Đọc sách	43	6,4	251	37,2	318	47,1	63	9,3
Tổ chức hoạt động tự học	70	10,4	300	44,4	239	35,4	66	9,8
Giao tiếp với giảng viên và bạn bè trong quá trình tự học	102	15,1	276	40,9	230	34,1	67	9,9
Lập kế hoạch học tập	86	12,7	322	47,7	227	33,6	40	5,9
Chuẩn bị bài và làm bài kiểm tra	37	5,5	273	40,4	321	47,6	44	6,5
Tự kiểm tra và đánh giá	73	10,8	333	49,3	226	33,5	43	6,4

Nhận xét: Khi hỏi sinh viên về các kỹ năng mềm mà sinh viên đạt được, bảng 3.8 cho thấy có 47,9% số sinh viên được hỏi đạt mức khá ở kỹ năng nghe giảng và ghi chép bài; 47,6% kỹ năng chuẩn bị bài và làm bài kiểm tra; 47,1% ở kỹ năng đọc sách. Các kỹ năng khác cũng đạt khá trên 30%. Mức tốt chiếm tỉ lệ khá thấp, đều dưới 10%. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các mức sinh viên tự đánh bản thân đạt được chủ yếu là khá, trung bình. Có những kỹ năng tỉ lệ đạt khá rất cao như kỹ năng nghe giảng và ghi chép bài, ghi nhớ, đọc sách, làm việc nhóm, lập kế hoạch. Tuy mới chỉ là kết quả tự đánh giá của sinh viên về kết quả kỹ năng mềm mà bản thân đã đạt được sau khi tham gia lớp học tích cực và sau thời gian học tập gần 2 năm tại Trường Đại học Y

Dược Thái Bình nhưng cũng đã phần nào phản ánh được hiệu quả của lớp học tích cực mà Nhà trường hằng năm vẫn tổ chức. Bởi sinh viên thuộc khối ngành khoa học sức khỏe nên môi trường học tập rất khó khăn bởi ngoài khối lượng kiến thức lớn, thời gian học lý thuyết trên lớp thì người học vừa phải thực tập tại cộng đồng và trực lâm sàng tại các bệnh viện thực hành, do đó đòi hỏi sinh viên phải đạt được kỹ năng mềm nhất định để hoàn thành các yêu cầu trong quá trình học tập và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn sau khi ra trường.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đề tài cho thấy: đa số sinh viên đánh giá tự học đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình học tập, giới nữ dành thời tự học nhiều hơn nam, sinh viên đã có ý thức xây dựng kế hoạch học tập, đa số sinh viên bị mất trung tập trung khi học. Sinh viên thường xuyên áp dụng các hình thức tự học, như: ghi chép bài, liên hệ thực tiễn, lập kế hoạch học tập và sử dụng sơ đồ tư duy. Có 03 yếu tố ảnh hưởng nhiều đến quá trình tự học của sinh viên là: Ý thức/động cơ nhận thức của bản thân, Phương pháp học và nội dung chương trình đào tạo. Mức độ kỹ năng mềm mà sinh viên đạt được chủ yếu tập trung ở mức độ trung bình và khá. Những kết quả nghiên cứu trên đây mới chỉ là ý kiến phản hồi từ phía người học, do đó cần có những nghiên cứu đa chiều hơn nữa để tìm ra những giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả tự học của sinh viên, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại trường Đại học Y Dược Thái Bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trịnh Thế Anh, 2013. *Đánh giá năng lực tự học của sinh viên các ngành sư phạm được đào tạo theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng*. Luận văn thạc sĩ, Viện đảm bảo chất lượng giáo dục, Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007. Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [3] Đào Ngọc Cảnh, Huỳnh Văn Đà, 2012. *Nâng cao tính chủ động của sinh viên – giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 22b, tr. 71-79
- [4] Nguyễn Hải Đăng, 2015. *Vấn đề tự học của sinh viên trường Đại học Tiền Giang và một số biện pháp tự học để đạt hiệu quả*. Báo cáo tại kì yếu Hội thảo khoa học cấp trường “Hoạt động tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trường Đại học Tiền Giang: Thực trạng và giải pháp”, ngày 20/5/2015.
- [5] Nguyễn Quang Đông, 2012. *Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học học phần Vật lý – Lý sinh y học của sinh viên chính qui trường Đại học Y Dược Thái Nguyên*. Đề tài KHCN cấp cơ sở, Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.
- [6] Nguyễn Thị Lan Hương, 2009. *Quản lý hoạt động tự học của sinh viên khoa ngôn ngữ và văn hóa Nga trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà nội đáp ứng yêu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội, tr. 58 – 60.
- [7] Phan Hữu Tín, Nguyễn Thúy Quỳnh Loan, 2011. *Các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ học tập của sinh viên trường Đại học Đà Lạt*. Tạp chí phát triển Khoa học và Công nghệ, Tập 14, Quyển 2 – 2011, tr. 89-96.

ABSTRACT

The reality of self-study of second year students after participating in active learning method at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy

Le Xuan Hung^{1*} and Bui Thi Thanh Huyen²

¹ *Department of Scientific Management, Department of Health and Physics,*

² *Undergraduate training management Department,
Thai Binh University of Medicine and Pharmacy*

The study was conducted by an educational-survey method of 675 second-year students after participating in class with active-learning method at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy in school year 2017-2018. The results showed that: the proportion of female students spending time on self-study is higher than male students, the proportion of students achieving good and excellent results in the following period is higher than the previous period, students often apply self-study forms such as taking notes, practical application, using mind map, and educational-planning before each semester and before each school year. There are three factors that influence students' self-learning process: learning attitude; self-awareness motivation; learning methods and training program content. The soft skills level that students achieve is mainly concentrated in the medium and good.

Keywords: Self-study, student, credit system, active learning, Thai Binh.